

Số: /GP-UBND Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 08/CPMT-VL ngày 22/03/2024 của Công ty TNHH Đầu tư xây dựng - Xuất nhập khẩu Thương mại Việt Lào về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án Nhà máy may mặc giấy tại xã Minh Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 469/TTr-STNMT ngày 27 tháng 3 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng - Xuất nhập khẩu Thương mại Việt Lào, địa chỉ tại: Số 72 phố Tô Vĩnh Diện, thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư Nhà máy may mặc giấy tại xã Minh Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy may mặc giấy.

1.2. Địa điểm hoạt động: tại xã Minh Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 2800947555 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp chứng nhận lần đầu

ngày 25/01/2006, thay đổi lần thứ 10 ngày 11/10/2023.

1.4. Mã số thuế: 2800947555

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: May mặt giày.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Dự án có tiêu chí về môi trường nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô dự án: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích Nhà máy: 18.596,97 m².

- Công suất: 4 triệu đôi sản phẩm/năm (sản phẩm là đôi mặt giày/mũ giày).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng - Xuất nhập khẩu Thương mại Việt Lào:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng - Xuất nhập khẩu Thương mại Việt Lào có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý nước thải, chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy

phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(từ ngày 05 tháng 4 năm 2024 đến ngày 05 tháng 4 năm 2034).

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Triệu Sơn và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH ĐTXD-Xuất nhập khẩu Thương mại Việt Lào (để t/hiện);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/cáo);
- Sở TN&MT (để theo dõi);
- UBND huyện Triệu Sơn (để theo dõi);
- Lưu: VT, PgNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

1.1. Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh của cán bộ, công nhân viên tại dự án bao gồm: nước thải đại tiện, tiểu tiện; nước thải từ nhà bếp; nước thải tắm, giặt, rửa tay chân có lưu lượng lớn nhất là $111 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

1.2. Nguồn số 02: Nước thải sản xuất phát sinh từ hoạt động rửa dụng cụ in xoa, có lưu lượng $10 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

Tổng lưu lượng nước thải của nguồn số 01 và số 02 là $121 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$; trong đó, nước thải tuần hoàn cho hoạt động dội các nhà vệ sinh, dự phòng PCCC là $66,0 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, nước thải đề nghị cấp phép xả ra môi trường có lưu lượng lớn nhất là $55 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$).

2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh tiêu thoát nước chung của xã Hợp Thắng, đoạn chảy qua thôn Tân Thắng 1, xã Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

- 01 (một) dòng nước thải sau khi xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung chảy theo đường ống HDPE D200 ra Kênh tiêu thoát nước chung xã Hợp Thắng (đoạn chảy qua thôn Tân Thắng 1, xã Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá), sau đó chảy ra sông Nhơ.

2.2. Vị trí xả nước thải:

2.2.1. Vị trí xả nước thải: Kênh tiêu thoát nước chung xã Hợp Thắng (đoạn chảy qua thôn Tân Thắng 1, xã Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá).

Tọa độ vị trí xả thải (theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105^0 , múi chiếu 3^0): X: 2191181.47 (m); Y= 561562.89 (m).

2.2.2. Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: $55 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ (24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả thải:

- Phương thức xả thải: Tự chảy.

- Hình thức xả: Xả mặt.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.đêm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các thông số không vượt quá giá trị tối đa cho phép theo QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B; $K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$). Cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	°C	40	- Không thuộc đối tượng phải quan trắc - Chủ dự án đề xuất quan trắc 06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải lắp đặt
2	pH	-	5,5 đến 9		
3	Chất rắn lơ lửng	mg/l	99		
4	COD	mg/l	148,5		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	9,9		
6	Màu	Pt/Co	150		
7	BOD ₅	mg/l	49,5		
8	Sắt	mg/l	4,95		
9	Chì	mg/l	0,495		
10	Đồng	mg/l	1,98		
11	Kẽm	mg/l	2,97		
12	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	9,9		
13	Tổng Nitơ	mg/l	39,6		
14	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	5,94		
15	Sulfua (S^{2-})	mg/l	0,495		
16	Florua (F^-)	mg/l	9,9		
17	Clo dư	mg/l	1,98		
18	Coliform	Vi khuẩn/100 ml	5000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải từ nguồn số 01: Dòng nước thải từ bồn tiêu, bồn cầu được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại; Dòng nước thải từ nhà bếp, nhà ăn được xử lý sơ bộ bằng bể tách mỡ; Dòng nước thải từ quá trình rửa tay, chân được xử lý sơ bộ qua hố ga lắng cặn. Tất cả các dòng trên được thu gom bằng đường ống PVC DN90, DN100, DN125 và DN200 → Hệ thống xử lý tập trung, công suất 200m³/ngày đêm.

- Nước thải từ nguồn số 02: Nước thải từ rửa dụng cụ in xoa, pha chế keo → Hố thu gom (lưới chắn rác) → Đường ống PVC, DN110 → Hệ thống xử lý nước thải công nghiệp, công suất 30m³/ngày đêm → PVC, DN110 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 200m³/ngày đêm.

- Nước thải sau xử lý của Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 200m³/ngày đêm, một phần được tuần hoàn, tái sử dụng cho hoạt động dội các nhà vệ sinh, dự phòng PCCC; một phần nước thải chảy ra Kênh tiêu thoát nước chung xã Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải sản xuất, công suất 30m³/ngày đêm: Nước thải từ rửa dụng cụ in xoa, pha chế keo → Bể thu gom → Bể khuấy nhanh → Bể keo tụ → Bể lắng → Bể chứa nước sau xử lý → Trạm xử lý tập trung có công suất 200m³/ngày.đêm.

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải tập trung, công suất 200m³/ngày đêm: Nước thải nguồn số 01, 02 → Bể thu gom nước thải → Máy sàng rác tinh → Bể điều hoà → Bể điều chỉnh pH → Bể khử Ni tơ → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Bể khuấy nhanh → Bể keo tụ → Bể lắng nghiêng → Bể chứa nước ra → Bồn lọc cát → Bồn lọc than hoạt tính → Bể khử trùng (Thiết bị khuấy tĩnh) → Bể chứa nước sau xử lý → Tái sử dụng dội nhà vệ sinh/Xả thải ra Kênh tiêu thoát nước chung xã Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn.

- Công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải tập trung: 200 m³/ngày.đêm

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dung dịch NaOH, Ca(OCl)₂, phèn nhôm PAC, Polymer Cation, Polymer Anion (hoặc các hóa chất tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Sử dụng các bể: Bể thu gom thải sản xuất dung tích 24,8 m³; Bể thu gom nước thải tập trung dung tích 16 m³; bể điều hòa nước thải tập trung dung tích 228,6 m³ làm bể chứa, Tổng thể tích các bể 269,4 m³ có khả năng lưu giữ nước thải phát sinh tối đa trong 02 ngày của dự án. Khi sự cố được khắc phục, nước sẽ được

bơm trở lại các bể tiếp theo để xử lý đảm bảo quy chuẩn cho phép; trường hợp quá thời gian lưu 02 ngày mà chưa khắc phục được sự cố, Công ty sẽ dừng toàn bộ các hoạt động của nhà máy hoặc hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý nước thải theo quy định;

- Trường hợp nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường: Nước thải lưu giữ trong các bể của hệ thống xử lý nước thải. Đơn vị vận hành tiến hành kiểm tra, khắc phục và cải thiện hiệu quả vận hành của hệ thống xử lý nước thải. Sau khi khắc phục, nước thải được bơm về bể thu gom để tiếp tục xử lý.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố: Bơm hút nước trong bể xử lý về tháp chứa nước sử dụng tuần hoàn cho hoạt động dội nhà vệ sinh; Trong quá trình khắc phục, tuyệt đối không xả nước thải chưa xử lý ra môi trường. Bơm hút bùn trong các bể xử lý nước thải, thuê đơn vị có chức năng đến hút đưa đi xử lý.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố lớn, thời gian sửa chữa kéo dài, nhà máy sẽ phải tạm dừng hoạt động để khắc phục; các bể nêu trên không còn sức chứa, Công ty sẽ thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý như chất thải nguy hại;

- Định kỳ hàng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

- Đối với nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung có các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn cho phép chảy ra nguồn tiếp nhận nước thải, Công ty hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải quy định tại Khoản 2 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.1 Thời gian vận hành thử nghiệm: Thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 200 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- 01 (một) mẫu nước thải đầu vào tại Bể thu gom nước thải tập trung;

- 01 (một) mẫu nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung (trước khi chảy vào Kênh tiêu thoát nước chung xã Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Mục 2.3.3. Phần A Phụ lục này).

2.2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư theo đúng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2 phần A của Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này và ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện biện pháp khắc phục.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Có quy trình kiểm soát chặt chẽ chất lượng nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

3.5. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải (gồm: Lưu lượng đầu ra; lượng điện tiêu thụ và lượng hóa chất sử dụng,...). Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng - Xuất nhập khẩu Thương mại Việt Lào có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.6. Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng - Xuất nhập khẩu Thương mại Việt Lào chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả nước thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này./.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ bàn in xoa số 1, 2, 3 tại tầng 2, nhà xưởng sản xuất.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ khu vực pha keo, mực in tại tầng 2, nhà xưởng sản xuất.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Vị trí xả thải trong khuôn viên Nhà máy may mặt giấy dép thuộc địa phận hành chính thôn 8, xã Minh Sơn, huyện Triệu, tỉnh Thanh Hóa.

- Toạ độ vị trí xả khí thải theo Hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực 105^0 , múi chiều 3^0 , cụ thể:

+ Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống thải của hệ thống xử lý khí thải khu vực in xoa số 1, 2, 3, cao 10m. Toạ độ xả khí thải: X: 2191378.91 (m); Y: 561266.35 (m).

+ Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống thải của hệ thống xử lý khí thải khu vực pha keo, mực in, cao 10m. Toạ độ xả khí thải: X: 2191363.38 (m); Y: 561262.89 (m).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: Tổng lưu lượng xả khí thải tối đa là $44.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$, trong đó:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải tối đa là $30.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$ (theo thông số mô-tơ tạo lực hút).

- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải tối đa là $14.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$ (theo thông số mô-tơ tạo lực hút).

2.3. Phương thức xả thải:

- Dòng khí thải số 01, 02: Xả liên tục.

2.4. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường:

Chất lượng khí thải của dòng khí thải số 01, 02 trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 20:2009/BTNMT

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Metylaxetat	mg/Nm ³	610	- Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ. - Chủ dự án đề suất quan trắc khí thải định kỳ 06 tháng/lần)	Không thuộc đối tượng
2	Metylcyclohecxanol	mg/Nm ³	470		
3	Etylaxetat	mg/Nm ³	1400		
4	n-Heptan	mg/Nm ³	2000		
5	n-Hexan	mg/Nm ³	450		
6	n-Butyl axetat	mg/Nm ³	950		
7	Toluen	mg/Nm ³	750		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: Được thu gom vào ống thu khí dọc bàn in xoa → đường ống Ø80mm → đường ống Ø400mm - Ø500mm → đường ống Ø600mm → Buồng than hoạt tính → Motor hút → Ống thoát khí Ø700mm, cao 10m → Môi trường.

- Nguồn số 02: Được thu gom vào chụp hút có kích thước BxLxH=3,0x1,2x0,6m → đường ống Ø300mm- Ø500mm → đường ống Ø500mm → Buồng than hoạt tính → Motor hút → Ống thoát khí Ø500mm, cao 10m → Môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Khí thải (hơi dung môi) từ các bàn in xoa → ống thu khí dọc bàn in xoa → Hệ thống ống dẫn → Buồng than hoạt tính → Motor hút → Ống khí thải Ø700mm, cao 10m → Môi trường.

- Khí thải (hơi dung môi) từ khu vực pha keo → Chụp hút → Hệ thống ống dẫn → Buồng than hoạt tính → Motor hút ly tâm → Ống khí thải Ø500mm, cao 10m → Môi trường.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.5 phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống xử lý khí thải của nhà máy, nếu có dấu hiệu hỏng hóc thì tiến hành sửa chữa, thay thế đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.
- Định kỳ duy tu, bảo dưỡng thiết bị của hệ thống thu gom, xử lý khí thải đúng theo yêu cầu kỹ thuật của nhà sản xuất; đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định tại Khoản 2 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường); thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ khu vực in-xoa tại tầng 2 nhà xưởng sản xuất, lưu lượng xả khí thải 30.000 m³/giờ (theo thông số mô-tơ tạo lực hút).
- Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ khu vực pha keo, mực in tại tầng 2 nhà xưởng sản xuất lưu lượng xả khí thải 14.000 m³/giờ (theo thông số mô-tơ tạo lực hút).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Tại thân ống khí thải sau hệ thống xử lý khí thải khu vực in-xoa (dòng khí thải số 01).
- Tại thân ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải khu vực pha keo, mực in (dòng khí thải số 02).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này).

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.5 phần A của Phụ lục này.

3.2. Định kỳ hàng năm, thực hiện duy tu, bảo dưỡng thiết bị xử lý bụi, khí thải và máy phát điện dự phòng theo quy định của nhà sản xuất.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.4. Định kỳ 6 tháng/lần thay tấm lọc than hoạt tính. Than hoạt tính sau khi thải bỏ được lưu giữ và xử lý như chất thải nguy hại.

3.5. Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng - Xuất nhập khẩu Thương mại Việt Lào chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả khí thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này./.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 02: Phát sinh từ hoạt động của máy khí nén, máy bơm phục vụ vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 03: Phát sinh từ hoạt động máy móc sản xuất, mô-tơ của hệ thống xử lý khí thải in xoa.
- Nguồn số 04: Phát sinh từ hoạt động mô-tơ của hệ thống xử lý khí thải khu vực pha keo, mực in.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Vị trí phát sinh ồn, rung trong khuôn viên Nhà máy may mặt giấy tại thôn 8, xã Minh Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Tọa độ vị trí các nguồn theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105^0 , múi chiều 3^0 , cụ thể:

- + Tọa độ vị trí tại nguồn số 01: X: 2191351.98 (m); Y: 561254.39 (m);
- + Tọa độ vị trí tại nguồn số 02: X: 2191358.34 (m); Y: 561255.55 (m);
- + Tọa độ vị trí tại nguồn số 03: X: 2191378.91 (m); Y: 561266.35 (m);
- + Tọa độ vị trí tại nguồn số 04: X: 2191363.38 (m); Y: 561262.89 (m);

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ hệ thống thiết bị sản xuất, thiết bị xử lý khí thải, máy phát điện. Đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

1.2. Kê đệm cao su tại các điểm tiếp xúc giữa máy thổi khí, động cơ, máy bơm và sàn đặt máy để giảm tiếng ồn và giảm độ rung.

1.3. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu mỡ bôi trơn để giảm thiểu độ rung.

1.4. Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động phù hợp với từng vị trí làm việc như: Găng tay, quần áo bảo hộ, kính bảo hộ, nút tai chống ồn.

1.5. Trồng cây xanh trong khuôn viên Nhà máy nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn, độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Keo dán giày thải (có chứa dung môi hữu cơ)	08 03 01	4.000
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	10
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	1.320
4	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	12 01 04	993
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa có chứa các thành phần nguy hại	18 01 03	900
6	Bao bì mềm có chứa hoặc bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 01 01	300
7	Bùn thải có chứa thành phần nguy hại (bùn thải của hệ thống xử lý nước thải công nghiệp)	12 02 02	6.000
8	Các linh kiện, thiết bị điện tử thải	16 01 13	20
9	Cartridge mực, mực in thải (hộp mực in thải có chứa các thành phần nguy hại)	08 02 04	10
10	Các loại pin, ắc quy chì thải	19 06 05	10
11	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	5
12	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	20
Tổng khối lượng			13.588

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Loại chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Da, PU	112.000
2	Phế vải mặt giày	26.624
3	Xốp bồi, xốp chưa bồi	40.000
4	Phế vật liệu mềm, lõi chỉ	2.000
5	Bán thành phẩm lõi hồng	11.648
6	Nilong	5.740
7	Gỗ	8.610
8	Kim loại phế	5.740
9	Vật liệu lót	8.610
10	Bùn cặn từ xử lý nước thải không chứa thành phần nguy hại	53.000
	Tổng	273.972

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	155
	Tổng	155

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa cứng 20 lít -50 lít, thùng phuy dung tích 120 lít - 200 lít; có nắp đậy kín và dán nhãn mã số CTNH.

2.1.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích khu vực lưu giữ chất thải nguy hại: Nằm trong nhà rác, diện tích 30m².

- Thiết kế, cấu tạo: Khu vực lưu chứa có tường bao, chia thành các ngăn chứa, có mái che, nền xi măng chống thấm, có rãnh và hố thu gom chất thải lỏng, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển dấu hiệu cảnh báo theo quy định.

- Khu vực lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Các thùng đựng rác có dung tích 5 - 50 lít đặt tại văn phòng và xưởng sản xuất
- Xe thu gom có dung tích 1.000 lít/thùng để thu gom và lưu giữ tại kho lưu giữ.

2.2.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Khu vực nhà chứa rác công nghiệp có diện tích 30 m² trong nhà rác.
- Thiết kế, cấu tạo: Khu vực lưu chứa có tường bao, có mái che, nền xi măng chống thấm, có rãnh và hố thu gom chất thải lỏng, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển dấu hiệu cảnh báo theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng composite dung tích 10 - 120 lít/thùng, có nắp đậy và bánh xe; Bao bì mềm PE, PP hai lớp. Thùng nhựa được để tại các vị trí thuận lợi cho việc thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

- Xe thu gom có dung tích 800lít/thùng để thu gom và lưu giữ tại kho lưu giữ.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Khu vực nhà chứa rác sinh hoạt có diện tích 30 m² trong nhà rác.
- Thiết kế, cấu tạo: Khu vực lưu chứa có tường bao, có mái che, nền xi măng chống thấm, có rãnh và hố thu gom chất thải lỏng, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển dấu hiệu cảnh báo theo quy định.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo Tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Tổ chức thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.

PHỤ LỤC 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG.

Dự án không thuộc đối tượng lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Các yêu cầu bảo vệ môi trường chủ dự án phải tiếp tục thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường.

1.1. Về thu gom và xử lý nước thải

1.1.1. Trong giai đoạn thi công:

a. Đối với nước thải sinh hoạt của công nhân:

- Đối với nước thải tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân với lưu lượng 0,85 m³/ngày: được thu gom và dẫn về hố lắng có thể tích 8 m³ (hố lắng lót bạt chống thấm thành và đáy) để loại bỏ chất rắn lơ lửng, nước thải sau lắng sẽ được tận dụng chống bụi khu vực công trường.

- Đối với nước thải nhà ăn với lưu lượng 0,15 m³/ngày được thu gom dẫn về bể tách mỡ dung tích 50 lít để tách mỡ và lắng cặn, sau đó dẫn về hố lắng cùng nước thải vệ sinh tay chân có thể tích 8m³ (hố đào lót bạt PVC thành và đáy chống thấm) để loại bỏ chất rắn lơ lửng. Phần váng dầu mỡ được đưa đi xử lý cùng với chất thải sinh hoạt. Nước thải sau lắng sẽ được tận dụng chống bụi khu vực công trường.

- Đối với nước thải vệ sinh có lưu lượng là 0,9 m³/ngày được thu gom bằng 02 nhà vệ sinh di động, kích thước nhà vệ sinh (Cao 250 cm, rộng 130 cm, sâu 100 cm, bể chứa nước thải 1,0m³). Hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ hút bùn cặn (tần suất 2 ngày/lần) đem đi xử lý.

b. Đối với nước thải xây dựng, nước rửa xe:

Đối với nước thải vệ sinh thiết bị, rửa xe có lưu lượng là 8 m³/ngày, được thu gom về 01 bể có thể tích 8 m³ (kích thước D x R x H = 2,5x2,0x1,6m) được xây dựng bằng cách đào hố sau đó dùng vải địa kỹ thuật (PVC) lót đáy và thành để

chống thấm, bể được chia làm 2 ngăn bởi vách ngăn lưng, trong bể được bố trí 1 phao quay thu vớt dầu. Nước thải được dẫn vào bể để lắng chất rắn lơ lửng, thu vớt dầu sau đó tái sử dụng để vệ sinh thiết bị, máy móc thi công hoặc sử dụng nước cho quá trình phun nước chống bụi trong. Vớt dầu thu gom được sẽ lưu giữ và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý cùng chất thải nguy hại.

c. Đối với nước mưa chảy tràn:

- Quét dọn vệ sinh sau mỗi ngày làm việc hạn chế các chất ô nhiễm bị cuốn theo nước mưa làm ô nhiễm nguồn nước.

- Tạo bờ bao quanh khu vực tập kết nguyên vật liệu nhằm hạn chế nước mưa chảy tràn cuốn theo đất, cát, vật liệu xây dựng...

- Tạo các rãnh thoát nước tạm thời tại các vị trí trũng thấp để thoát nước, tránh tình trạng ngập úng. Cuối rãnh thoát nước bố trí hố lắng để lắng và loại bỏ đất, cát, rác thải vương vãi...

1.1.2. Trong giai đoạn vận hành

- Xây dựng hệ thống thu gom nước thải, hệ thống xử lý sản xuất công suất 30 m³/ngày.đêm, hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 200 m³/ngày.đêm, công nghệ xử lý như sau:

- Công nghệ xử lý nước thải sản xuất, công suất 30m³/ngày đêm: Nước thải từ rửa dụng cụ in xoa, pha chế keo → Bể thu gom → Bể khuấy nhanh → Bể keo tụ → Bể lắng → Bể chứa nước sau xử lý → Trạm xử lý tập trung có công suất 200m³/ngày.đêm.

- Công nghệ xử lý nước thải tập trung, công suất 200m³/ngày đêm: Nước thải nguồn số 01, 02 → Bể thu gom nước thải → Máy sàng rác tinh → Bể điều hoà → Bể điều chỉnh pH → Bể khử Nito → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Bể khuấy nhanh → Bể keo tụ → Bể lắng nghiêng → Bể chứa nước ra → Bồn lọc cát → Bồn lọc than hoạt tính → Bể khử trùng (Thiết bị khuấy tĩnh) → Bể chứa nước sau xử lý → Tái sử dụng dội nhà vệ sinh/Xả thải ra Kênh tiêu thoát nước chung xã Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn.

- Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B; K_q = 0,9; K_f = 1,1), trước khi chảy ra Kênh tiêu thoát nước chung xã Hợp Thắng, huyện Triệu Sơn, có tọa độ như sau: X: 2191181.47 (m); Y= 561562.89 (m).

- Bố trí nguồn kinh phí quản lý, bảo trì, vận hành thường xuyên công trình xử lý nước thải đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường (giám sát công tác vận hành đối với đơn vị vận hành công trình lý nước thải).

- Định kỳ (6 tháng/lần) bổ sung chế phẩm vi sinh vào các ngăn phân hủy vi sinh để nâng cao hiệu quả làm sạch của công trình.

1.2. Về thu gom và xử lý khí thải

1.2.1. Trong giai đoạn thi công

- Phun ẩm tường các công trình phá dỡ và thực hiện tưới ẩm chống bụi trong suốt quá trình phá dỡ. Thực hiện phá dỡ, cuốn chiếu theo từng công trình phá dỡ để giảm bụi bốc bay và hạn chế phạm vi tác động.

- Phun nước tạo độ ẩm, giảm nồng độ bụi phát tán trong khu vực thi công và dọc tuyến đường TL 514 với chiều dài 500m tính từ cổng khu vực dự án về 2 phía. Sử dụng xe ô tô tưới nước có dung tích 5,0m³ làm ẩm trên tuyến đường, tần suất phun nước là 4 lần/ngày

- Bố trí trạm rửa xe để phun nước giảm bụi, tránh bụi đất đá cuốn theo bánh xe làm ảnh hưởng đến tuyến đường bê tông dẫn vào dự án.

- Lắp đặt hệ thống tường chắn bằng tôn với chiều cao 2,5m, tổng chiều dài khoảng 60m khu vực giáp TL514 và khu dân cư phía Đông Bắc khu đất. Duy trì tường rào xây cao 2m dọc ranh giới phía Tây và phía Nam khu đất nhằm giảm lượng bụi phát sinh từ thi công đến các đối tượng dân cư và người tham gia giao thông TL514.

- Các phương tiện xe, máy thi công kiểm chuẩn và đăng kiểm phù hợp về các thông số vận hành và môi trường nhằm đảm bảo máy móc, thiết bị có hiệu suất làm việc cao và vận hành hiệu quả.

- Các xe vận tải chuyên chở nguyên vật liệu cho quá trình thi công xây dựng phải có bạt che kín thùng xe.

- Trong quá trình thi công tránh thi công đồng loạt máy móc, hạn chế thi công vào những giờ sinh hoạt của người dân, thông báo thời gian thi công cụ thể để người dân biết.

- Lắp đặt lưới chắn bụi xung quanh các công trình nhà ở cao tầng trong quá trình xây dựng.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: Quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính...theo quy định, công nhân phải được bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý.

1.2.2. Trong giai đoạn vận hành

- Xây dựng, lắp đặt 01 hệ thống thu gom và xử lý hơi hữu cơ từ quá trình in xoa; 01 hệ thống thu gom và xử lý hơi dung môi từ quá trình pha keo, mực in, công nghệ xử lý như sau:

- + Khí thải (hơi dung môi) từ các bàn in xoa → ống thu khí dọc bàn in xoa → Hệ thống ống dẫn → Buồng than hoạt tính → Motor hút → Ống khí thải Ø700mm, cao 10m → Môi trường.

- + Khí thải (hơi dung môi) từ khu vực pha keo → Chụp hút → Hệ thống ống dẫn → Buồng than hoạt tính → Motor hút ly tâm → Ống khí thải Ø500mm, cao 10m → Môi trường.

- Lắp đặt quạt thông gió, hút mùi nhà vệ sinh cho tất cả các nhà vệ sinh; lắp đặt quạt thông gió cho khu vực nhà chứa rác thải sinh hoạt, nhà chứa rác thải nguy hại.

- Xây dựng nhà để xe cho cán bộ công nhân viên; Bố trí lối đi phụ, nội bộ từ nhà máy sang bãi để xe công nhân, để công nhân gửi và lấy xe thuận tiện, không đi qua đường 514 để gửi và lấy xe, đảm bảo an toàn cho công nhân.

- Trang bị 02 máy hút bụi công nghiệp công suất 3,6kW để vệ sinh sàn nhà xưởng; Trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân.

- Xây dựng hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo tỷ lệ cây xanh được trồng theo đúng quy hoạch.

1.3. Về thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

1.3.1. Trong giai đoạn thi công

Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Trang bị 03 thùng dung tích 50 lít/thùng đặt tại khu lán trại để phân loại và lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, sau đó hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển đi xử lý với tần suất 1 lần/ngày.

Đối với chất thải rắn xây dựng:

- Đối với vật liệu là tôn, thép từ quá trình phá dỡ công trình được tận dụng làm hàng rào tạm trong quá trình thi công dự án, phần còn lại bán phế liệu cho các đơn vị thu mua.

- Đối với đá, gạch, vữa, bê tông từ quá trình phá dỡ được sử dụng làm vật liệu đắp nền ngay tại dự án dự án.

- Đối với vật liệu thi công rơi vãi đá, gạch, bê tông từ quá trình thi công được thu gom và sử dụng làm vật liệu đắp nền ngay tại dự án dự án.

- Đối với chất thải là vỏ bao xi măng, sau mỗi buổi làm việc được thu gom tập trung về kho tạm sau đó bán phế liệu.

- Đối với chất thải là vụn sắt thép, thùng nhựa và ống nhựa, ván gỗ, giấy, nilon sạch,.. từ quá trình thi công và quá trình lắp đặt thiết bị sau mỗi buổi làm việc được thu gom tập trung về kho tạm sau đó bán phế liệu.

+ Đối với vật liệu là đá, cát, gạch, bê tông rơi vãi sẽ thực hiện thu gom và san lấp mặt bằng khu vực dự án;

1.3.2. Trong giai đoạn vận hành

- Xây dựng khu vực lưu chứa chất thải rắn với diện tích 90m² của dự án để tập kết chất thải tạm thời đảm bảo theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Hằng ngày nhân viên vệ sinh thu gom rác thải từ các thùng rác tại các khu vực dự án; Hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

1.4.1. Trong giai đoạn thi công

Các loại chất thải nguy hại được thu gom và lưu trữ trong thùng chứa chất thải có nắp đậy kín, được quây kín, có mái che, nền cao tránh nước mưa, đảm bảo

không rò rỉ, rơi vãi, phát tán ra môi trường. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

1.4.2. Trong giai đoạn vận hành

- Bố trí thùng chứa chất thải 120-200 lít trong khu vực lưu chứa CTNH có nắp đậy kín, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi, phát tán ra môi trường.

- Khu vực lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kì chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

- Trong kho lưu chứa CTNH có các thiết bị ứng phó sự cố môi trường, phòng cháy, chữa cháy.

1.5. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung và các tác động khác:

1.5.1. Trong giai đoạn thi công:

- Lắp đặt các thiết bị giảm tiếng ồn, độ rung cho các máy móc có tiếng ồn, độ rung cao như: máy hàn, cắt,... Không sử dụng các máy móc thi công đã cũ, hệ thống giảm âm bị hỏng vì chúng sẽ gây ra ô nhiễm tiếng ồn rất lớn. Thường xuyên bảo dưỡng bộ phận giảm âm ở các thiết bị máy móc thi công.

- Quy định tốc độ của xe và máy móc khi hoạt động trong khu vực thực hiện dự án.

- Các phương tiện vận chuyển hạn chế dừng còi trong khu đông người.

- Các xe vận chuyển nguyên liệu cho dự án không vận chuyển quá tải tránh ảnh hưởng đến tuyến đường; Che chắn xung quanh khu vực công trường.

- Phối hợp với địa phương về việc khai báo tạm trú, tạm vắng của cán bộ, công nhân viên tham gia thi công dự án.

1.5.2. Trong giai đoạn hoạt động:

- Hệ thống thu gom nước mưa của Dự án riêng biệt với hệ thống thoát nước các khu vực lân cận; đảm bảo thu gom toàn bộ nước mưa trong khu đất Dự án chảy ra khu vực thoát nước mưa của khu vực lân cận.

- Tiến hành nạo vét hệ thống thoát nước mưa 6 tháng/lần để đảm bảo khả năng tiêu thoát nước cho khu vực Dự án.

- Không xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

- Khi có sự cố xảy ra, kịp thời làm công tác sơ cứu, cấp cứu ban đầu đối với người bị ảnh hưởng trước khi chuyển đến bệnh viện.

1.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

1.6.1. Trong giai đoạn thi công:

- Sự cố cháy nổ: Ban hành quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn; Trang bị 02 bình bột cứu hỏa

loại 4kg cho khu vực chứa nhiên liệu và khu vực kho tạm trên công trường của dự án. Định kỳ kiểm tra tình trạng hoạt động của các thiết bị phòng cháy chữa cháy 3 tháng/lần và bổ sung kịp thời khi phát hiện các thiết bị hỏng.

- Sự cố thiên tai: Thường xuyên theo dõi tình hình thời tiết và dự báo thời tiết; Khi xảy ra thiên tai, mưa lũ sẽ dừng mọi hoạt động thi công để thực hiện các biện pháp phòng ngừa ứng phó.

- Sự cố ngộ độc thực phẩm: Lựa chọn và sử dụng các thực phẩm đảm bảo chất lượng, chế biến đúng cách. Không sử dụng thực phẩm để lâu, hư hỏng để phòng ngừa ngộ độc thực phẩm

- Sự cố lún, nứt, hư hỏng công trình: Chủ dự án khảo sát, kiểm tra các công trình có nguy cơ ảnh hưởng bởi dự án trước khi thi công. Có biện pháp thi công, vận chuyển phù hợp với hiện trạng các công trình.

- Thực hiện nghiêm các quy định phòng dịch khi có bệnh dịch phát sinh, phối hợp với chính quyền địa phương, các đơn vị chức năng trong công tác phòng chống dịch bệnh.

- Sự cố ngập úng khu vực xung quanh: Thi công đúng tiến độ, đúng thiết kế xây dựng. Tránh làm rơi vãi các loại chất thải xuống hệ thống thoát nước làm tắc đường ống thoát nước của khu vực thực hiện dự án và khu vực xung quanh dự án.

- Sự cố tai nạn lao động: Trang bị đồ bảo hộ lao động đầy đủ cho công nhân và treo các nội quy về an toàn lao động, quy trình vận hành máy móc trên công trường.

1.6.2. Trong giai đoạn vận hành:

- Đối với Hệ thống xử lý nước thải công nghiệp, công suất 30m³/ngày đêm và Trạm xử lý tập trung có công suất 200m³/ngày.đêm: Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống phải được tập huấn và thao tác đúng cách khi có sự cố phát sinh và luôn có mặt tại vị trí vận hành; các máy móc, thiết bị phải được kiểm tra theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật, đặc biệt là các thiết bị điện; Tiến hành bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa khi có hỏng hóc.

- Đối với khu vực lưu giữ chất thải: Trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo Tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại

- Đối với hệ thống thoát nước mưa chảy tràn:

- + Thường xuyên kiểm tra và bảo trì hệ thống thoát nước. Khi xảy ra sự cố như: ách tắc, vỡ...sẽ được tiến hành nạo vét, sửa chữa ngay trong thời gian nhanh

nhất. Các hộ gia đình thực hiện đấu nối nước thải theo đúng hướng dẫn trong quá trình xây dựng

+ Tổ chức các dịch vụ vệ sinh môi trường, thu gom rác thải, nước thải, chăm sóc cây xanh theo quy hoạch.

- Đối với hạ tầng kỹ thuật cấp điện: Xây dựng hoàn thiện hạ tầng cấp điện bao gồm đường dây, trạm biến áp theo đúng thiết kế. Lắp đặt đầy đủ thiết bị chống sét, nối đất,... cho trạm biến áp. Sử dụng đường dây đảm bảo chất lượng theo đúng thiết kế được phê duyệt.

1.7. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án

1.7.1. Chương trình giám sát môi trường giai đoạn vận hành thử nghiệm:

- Dự án có 03 công trình xử lý chất thải thuộc đối tượng phải thực hiện vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 200 m³/ngày.đêm; Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ khu vực in-xoa tại tầng 2, lưu lượng 30.000 m³/giờ; Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ khu vực pha keo, mực in tại tầng 2, lưu lượng 14.000 m³/giờ.

- Thời gian vận hành thử nghiệm: Thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án cho Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát.

a) Giám sát nước thải:

- Vị trí giám sát: Nước thải đầu vào và nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Thông số giám sát: Thực hiện theo mục 2.3.3 phần A Phụ lục 1, kèm theo giấy phép này.

- Tần suất, số lượng mẫu: Theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B; K_q = 0,9; K_f = 1,1).

b) Giám sát khí thải:

- Vị trí giám sát: Tại thân ống khí thải sau hệ thống xử lý khí thải khu vực in-xoa; Tại thân ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải khu vực pha keo, mực in.

- Thông số giám sát: Thực hiện theo mục 2.5 phần A Phụ lục 2, kèm theo giấy phép này.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

- Tần suất, số lượng mẫu: Theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.7.2. Chương trình giám sát môi trường giai đoạn vận hành:

Chủ dự án đề suất quan trắc nước thải, khí thải định kỳ 06 tháng/lần.

2. Các yêu cầu bảo vệ môi trường khác:

- Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và hướng dẫn kỹ thuật phân loại chất thải rắn sinh hoạt của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Kiểm soát các thông số ô nhiễm trong nước thải bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B; $K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$). Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

- Kiểm soát các thông số ô nhiễm bụi, khí thải sau ống khí thải của hệ thống xử lý khí thải bảo đảm khí thải sau xử lý đáp ứng QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

- Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện, không có hệ thống xử lý khí thải, nhưng nhiên liệu dầu DO sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

- Thực hiện quản lý bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 2 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

- Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

- Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai toàn bộ Dự án. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định./.